

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-PT

Ngày: 02-02-2021

V/v: “Tranh chấp Quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Châu Thạch

*Các Thẩm phán:*

Ông Đỗ Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Văn Thanh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đạt Nguyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:*** Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: “Quyền sử dụng đất”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 337/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 361/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020; Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự số 01/TB-TA ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn VC, sinh năm: 1970; bà Nguyễn TL, sinh năm: 1982; cư trú tại số 262, xóm 8, thôn NH2, xã KĐ, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, ông VC có mặt, bà TL vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà TL: Ông Nguyễn VC, sinh năm: 1970; cư trú tại số 262, xóm 8, thôn NH2, xã KĐ, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 15, quyền số 01/2021-SCT/CK,ĐC do Ủy ban nhân dân xã KĐ, huyện X, tỉnh Lâm Đồng chứng thực ngày 12/01/2021), có mặt.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Ya W (Ya Wh), sinh năm: 1952; bà Ma T, sinh năm: 1962; cùng cư trú tại thôn K, xã TT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn VL, sinh năm: 1965; cư trú tại số 99, thôn ĐH, xã TT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2. Ông Vũ XT, sinh năm: 1975; cư trú tại thôn TH, xã HA, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người kháng cáo: Vợ chồng Ông Ya W (Ya Wh), bà Ma T bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 13/12/2018, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại gia đoạn sơ thẩm của vợ chồng ông Nguyễn VC, bà Nguyễn TL thì: Vào năm 2011 gia đình ông, bà có nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn VL. Tại thời điểm đó đất của gia đình ông VL có diện tích 19.292m<sup>2</sup> thuộc các thửa 01, 02, 03, 04 và thửa 689 tờ bản đồ số 22 tại Xã TT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Khi làm thủ tục sang tên thì làm luôn thủ tục hợp các thửa lại với nhau thành 02 thửa 689, 723 và đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BH 202849 ngày 28/12/2011 đứng tên ông Nguyễn VC, bà Nguyễn TL. Do khi chuyển nhượng Quyền sử dụng đất thì ông VL còn đang cho thuê diện tích đất này nên đến năm 2014 khi hết hợp đồng cho thuê đất thì vợ chồng ông, bà mới quản lý đất và phát hiện đất bị thiếu so với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nên có yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X đo vẽ thì thấy thiếu khoảng 1.794m<sup>2</sup> hiện do vợ chồng ông Ya W, bà Ma T đang chiếm hữu, sử dụng. Vợ chồng ông, bà đã yêu cầu vợ chồng ông Ya W, bà Ma T trả lại diện tích đất nêu trên nhưng vợ chồng ông Ya W, bà Ma T không đồng ý nên đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã TT, huyện X hòa giải, việc hòa giải không thành nên vợ chồng ông, bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Ya W, bà Ma T phải trả lại diện tích đất trên cho vợ chồng ông, bà.

Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, thì theo kết quả đo vẽ ngày 14/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X thì diện tích vợ chồng ông, bà bị thiếu 2.573m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 1/723, tờ bản đồ số 22 tại xã TT, huyện X. Do đó, vợ chồng ông, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Ya W, bà Ma T phải trả lại diện tích 2.573m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 723, tờ bản đồ số 22 tại xã TT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

- Theo lời trình bày của vợ chồng ông Ya W, bà Ma T thì: Về nguồn gốc diện tích đất của vợ chồng ông, bà là do ông Ya W khai hoang vào khoảng năm 1993 đến 1998. Sau đó thì ông VL, ông Ya W và ông Ka B chia ra làm. Ông Ya W có làm đơn xin được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện X cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vào ngày 18/11/2011 với diện tích 7.441m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 719, tờ bản đồ số 19 tại xã TT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng và vợ chồng ông, bà đang sử dụng diện tích đất tại các thửa 717, 720 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, sử dụng ổn định cho

đến nay. Phần của ông Ka B thì đã chuyển nhượng cho ông VL và ông VL đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó chuyển nhượng lại cho ông VC. Đối với phần diện tích đất đang tranh chấp nằm ngoài phần diện tích được cấp thì ông thừa nhận ông đang sử dụng, đất này đã được cấp cho ông VC nhưng đó là đất của vợ chồng ông, bà không lấn chiếm của ai nên không đồng ý trả lại cho nguyên đơn.

- Theo lời trình bày của ông Nguyễn VL thì: Vào năm 2010 ông có chuyển nhượng cho ông VC diện tích đất như ông VC trình bày, diện tích đất chuyển nhượng đúng diện tích mà Nhà nước cấp cho ông. Về nguồn gốc đất thì trước đây ông, ông Ya W và ông Ka B có khai hoang chung với nhau rồi chia ra mỗi người một diện tích đất để canh tác, thời điểm đó chỉ trồng đậu, bắp. Sau đó ông Ka B không canh tác thì ông nhận chuyển nhượng lại từ ông Ka B rồi đi đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Đến năm 2010 thì ông chuyển nhượng lại cho ông VC toàn bộ diện tích đất đã được cấp trước đây. Đối với việc các bên đang tranh chấp thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Theo lời trình bày của ông Vũ XT thì: Ông là người thuê Quyền sử dụng đất của ông Ya W, bà Ma T để canh tác trong thời hạn 09 năm từ năm 2016 đến năm 2025. Trong diện tích ông thuê thì có diện tích đất tại thửa 719, tờ bản đồ số 19 và diện tích đất đang tranh chấp với số tiền 6.0000000đ/sào/năm và đã thanh toán đủ tiền cho ông Ya W, bà Ma T. Đối với việc tranh chấp giữa các bên thì ông có ý kiến như sau: Trong quá trình ông thuê đất thì ông có cho máy đến mức đường mương sát diện tích đất của ông VC để thoát nước vào mùa mưa thì không có ai có ý kiến gì hay tranh chấp gì nên ông vẫn thuê và làm trên đất cho đến nay. Do chưa biết kết quả giải quyết của Tòa án như thế nào nên sau khi có Bản án hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu giao đất cho ông VC thì ông cũng đồng ý giao phần đất tranh chấp theo Bản án, Quyết định của Tòa án và sẽ khởi kiện tranh chấp hợp đồng thuê với vợ chồng ông Ya W, bà Ma T bằng một vụ án khác. Trong trường hợp giao đất cho ông Ya W, bà Ma T thì ông vẫn tiếp tục thuê cho đến khi hết hợp đồng; do đó ông không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Hiện trạng trên đất hiện nay thì ông đang trồng rau màu, có giàn ống, pét tưới nước ngoài ra không có tài sản, vật kiến trúc nào khác trên đất.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 05/2020/DS-ST ngày 09/6/2020; Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn VC, bà Nguyễn TL.

Buộc vợ chồng ông Ya W, bà Ma T phải trả lại toàn bộ diện tích đất 2.573m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 273 tờ bản đồ số 22 tại xã TT, huyện X cho vợ chồng ông Nguyễn VC, bà Nguyễn TL theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 202849 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 28/12/2011, có tứ cận như sau:

Phía đông giáp thửa 1/05 có cạnh dài 16,2m. Phía tây giáp thửa 1/724 có cạnh dài 8,4m. Phía nam giáp thửa 1/723 của ông VC có cạnh dài 165,1m. Phía bắc giáp thửa 719, 1/720, 1/724 có cạnh dài 169,6m.

Ông Vũ XT có nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ dây ông nước, pép tưới trên diện tích đất 2.573m<sup>2</sup> tại thửa 1/723 để giao đất cho vợ chồng ông Nguyễn VC, bà Nguyễn TL.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/7/2020 vợ chồng ông Ya W, bà Ma T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa,*

Vợ chồng ông Ya W, bà Ma T vẫn giữ nguyên kháng cáo. Ông VC đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Ya W, bà Ma T, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa Bản án sơ thẩm về quan hệ tranh chấp và miễn án phí cho ông Ya W.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xuất phát từ việc vợ chồng ông Nguyễn VC, bà Nguyễn TL khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Ya W, bà Ma T trả lại toàn bộ diện tích đất 2.573m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 723, tờ bản đồ số 22 tại xã TT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng mà nguyên đơn đã được cơ quan chức năng cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, vợ chồng ông Ya W, bà Ma T cho rằng đất này do bị đơn khai phá nên không đồng ý trả lại do vậy các bên phát sinh tranh chấp.

Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp đòi lại tài sản là Quyền sử dụng đất” chưa chính xác mà cần phải xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp Quyền sử dụng đất” mới phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng:

[2.1] Theo hồ sơ vụ án thể hiện thì:

Vào năm 2011 vợ chồng ông Nguyễn VC, bà Nguyễn TL nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn VL diện tích đất 19.292m<sup>2</sup> thuộc các thửa đất số 01, 02, 03, 04 và thửa 689 tờ bản đồ số 22 tại xã TT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Các diện tích đất này là của ông Nguyễn VL cùng vợ là bà Bùi Thị PN kê khai để cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vào năm 1999 gồm các thửa 1, 2, 3, 4 với nguồn gốc là tự khai hoang và đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Đối với diện tích 630m<sup>2</sup> thuộc thửa 689 thì vợ chồng ông VL, bà Nhung được Ủy ban nhân dân huyện X cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất trên cơ sở nhận chuyển nhượng từ ông Ya H và bà Ma T1 vào năm 1999.

Sau khi nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn VL thì đến ngày 28/12/2011 Ủy ban nhân dân huyện X đã ban hành Quyết định số 523/QĐ-UBND cho phép nguyên đơn chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thu hồi và cấp đổi, hợp thửa Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thành 02 thửa 689 diện tích 630m<sup>2</sup> và thửa 723 (hợp từ thửa 01, 02, 03, 04) diện tích 18.662m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 22 tại xã TT, huyện X.

[2.2] Vợ chồng ông Ya W, bà Ma T cho rằng phần diện tích đang tranh chấp nằm ngoài phần diện tích đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bị đơn và đất này đã cấp Giấy chứng nhận cho ông VC nhưng đó là đất của bị đơn đang sử dụng, không lần chiếm của ai nên không đồng ý trả lại diện tích tranh chấp cho nguyên đơn.

[2.3] Xét thấy, theo kết quả đo vẽ ngày 13/01/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X thì diện tích đất tranh chấp là 2.573m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 723, tờ bản đồ số 22 tại xã TT, huyện X. Phần diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông VC, bà TL. Đồng thời đối với thửa đất số 719, tờ bản đồ số 22 tại xã TT, huyện X nằm sát cạnh thửa đất số 723 đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Ya W, bà Ma T theo Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 13/11/2001. Do đó, việc bị đơn cho rằng phần diện tích đất tranh chấp là của bị đơn và không lần chiếm của ai là không có căn cứ bởi lẽ, ngoài lời trình bày của mình thì vợ chồng ông Ya W, bà Ma T không xuất trình được căn cứ chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình.

[2.4] Mặt khác, thời điểm ông VL được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vào năm 1999 thì bản thân bị đơn không có thắc mắc hay khiếu nại gì. Bên cạnh đó, tại biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện X thì bản thân ông Ya W thừa nhận: “Diện tích mà ông VC cho rằng ông Ya W lần chiếm trước đây là của ông VL, ông Ya W có đăng ký nhưng thuộc quyền sử dụng của ông VL nên ông Ya W không đăng ký nữa”. Hơn nữa, bản thân ông VL cũng thừa nhận ông chuyển nhượng phần diện tích đất cho vợ chồng ông VC, bà TL theo Giấy chứng

nhận Quyền sử dụng đất được cấp và hiện trạng đất không có sự thay đổi, biến động so với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp trước đây. Bên cạnh đó, trong thực tế thì hiện nay lô đất các bên đang tranh chấp bị đơn không trực tiếp sử dụng mà đang cho người khác thuê, điều này thể hiện vợ chồng ông Ya W, bà Ma T cũng không có nhu cầu sử dụng diện tích đất này.

[2.5] Như vậy, có căn cứ để khẳng định bị đơn đã lấn chiếm phần diện tích 2.573m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 723, tờ bản đồ số 22 tại xã TT, huyện X của hộ ông VC để sử dụng là không đúng diện tích được Nhà nước công nhận cấp quyền sử dụng đất. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Đối với ông Vũ XT là người đang thuê diện tích đất của vợ chồng ông Ya W, bà Ma T có can thiệp trên phần diện tích đất tranh chấp thì ông xác định không có tranh chấp gì trong vụ án này nên không đề cập. Trong trường hợp sau này các bên phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Theo hồ sơ thể hiện thì hiện nay trên diện tích đất tranh chấp thì theo các đương sự thừa nhận hiện nay ông XT đang đầu tư dây ống nước, vét tưới trên diện tích đất tranh chấp. Do buộc vợ chồng ông Ya W, bà Ma T phải trả lại diện tích đất 2.573m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 723, tờ bản đồ số 22 tại xã TT, huyện X cho nguyên đơn nên cần buộc ông XT có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ dây ống nước, vét tưới và trả lại diện tích đất này cho nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Ya W, bà Ma T về việc không đồng ý trả lại đất; sửa Bản án sơ thẩm về việc xác định lại quan hệ tranh chấp giữa các bên theo hướng đã nhận định là phù hợp.

[6] Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và định giá tài sản tại giai đoạn sơ thẩm hết 8.000.000đ, đã được Tòa án cấp sơ thẩm quyết toán xong. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ nên cần ghi nhận.

[7] Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên vợ chồng ông Ya W, bà Ma T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, theo hồ sơ vụ án thể hiện ông Ya W, sinh năm: 1952; đến thời điểm xét xử thì ông Ya W đã trên 60 tuổi là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009. Đối chiếu quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì ông Ya W thuộc trường hợp được miễn án phí. Vì vậy, cần miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Ya W.

Bà Ma T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, đây là vụ án tranh chấp về Quyền sử dụng đất, Tòa án chỉ xem xét Quyền sử dụng đất này thuộc về ai nhưng cấp sơ thẩm buộc bà Ma T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch là chưa phù hợp mà chỉ cần phải buộc bà Ma T phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Ma T phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp kháng cáo của vợ chồng ông Ya W, bà Ma T, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Xác định quan hệ tranh chấp giữa vợ chồng ông Nguyễn VC, bà Nguyễn TL với vợ chồng ông Ya W (Ya Wh), bà Ma T là “Tranh chấp Quyền sử dụng đất”.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn VC, bà Nguyễn TL về việc “Tranh chấp Quyền sử dụng đất” đối với vợ chồng ông Ya W (Ya Wh), bà Ma T.

Buộc vợ chồng ông Ya W (Ya Wh), bà Ma T và ông Vũ XT trả lại diện tích 2.573m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 723, tờ bản đồ số 22 tại xã TT, huyện X cho vợ chồng ông Nguyễn VC, bà Nguyễn TL (có Họa đồ đo vẽ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X thực ngày 13/01/2020 kèm theo).

Buộc ông Vũ XT có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ dây ống nước, pét tưới trên diện tích 2.573m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 723, tờ bản đồ số 22 tại xã TT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và định giá tài sản là 8.000.000đ: vợ chồng ông Nguyễn VC, bà Nguyễn TL tự nguyện chịu (đã được Tòa án nhân dân huyện X quyết toán xong).

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Vợ chồng ông Nguyễn VC, bà Nguyễn TL không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, vợ chồng ông VC, bà TL được nhận lại số tiền 8.750.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011093 ngày 12/12/2018 và số AA/2016/0015932 ngày 18/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Ya W.

Bà Ma T phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm:

Miễn toàn bộ án phí Dân sự phúc thẩm cho ông Ya W.

Bà Ma T phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0002547 ngày 24/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Bà Ma T đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

#### 5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV & THA;
- TAND huyện X, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Dương, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự (04);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Huỳnh Châu Thạch**

